

[porno](#) [porn](#)



Ngày 7/1/2013, Chính ph đã ban hành Ngh quy t s 02/NQ-CP v m t s gi i pháp tháo g khó khăn cho s n xu t kinh doanh, h tr th tr ng, gi i quy t n x u. Đ tri n khai Ngh quy t s 02 c a Chính ph , t o đi u ki n gi m b t khó khăn cho các doanh nghi p, thúc đ y s n xu t kinh doanh phát tri n, B Tài chính đã ban hành Thông t s 16/2013/TT-BTC ngày 8/2/2013 h ng d n vi c th c hi n Ngh quy t c a Chính ph nêu trên. D i đây là m t s n i dung chính c a Thông t s 16/2013/TT-BTC:

I - Gia h n n p thu thu nh p doanh nghi p

1. Gia h n 06 tháng th i h n n p thu thu nh p doanh nghi p đ i v i s thu thu nh p doanh nghi p phát sinh ph i n p quý I và 03 tháng th i h n n p thu thu nh p doanh nghi p đ i v i s thu thu nh p doanh nghi p phát sinh ph i n p quý II và quý III năm 2013 cho các đ i t ng sau:

a) Doanh nghi p có quy mô v a và nh , bao g m c chi nhánh, đ n v tr c thu c nh ng h ch toán đ c l p, h p tác xã (s đ ng d i 200 lao đ ng làm vi c toàn b th i gian năm và có doanh thu năm không quá 20 t đ ng) không bao g m doanh nghi p ho t đ ng trong các lĩnh v c: tài chính, ngân hàng, b o hi m, ch ng khoán, x s , trò ch i có th ng, s n xu t hàng hóa, đ ch v thu c di n ch u thu tiêu th đ c bi t.

b) Doanh nghi p s đ ng nhi u lao đ ng (s đ ng trên 300 lao đ ng) trong lĩnh v c s n xu t, gia công, ch bi n: Nông s n, lâm s n, thu s n, d t may, da giày, linh ki n đi n t ; xây đ ng công trình h t ng kinh t - xã h i đ c gia h n n p thu đ i v i s thu tính trên thu nh p c a ho t đ ng s n xu t, gia công, ch bi n: Nông s n, lâm s n, thu s n, d t may, da giày, linh

kiểm kê tài sản và nợ phải trả để xây dựng các công trình hạch toán kinh tế - xã hội.

c) Doanh nghiệp đầu tư – kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở để ở gia đình nhân viên thu nhập và lợi nhuận thu được tính trên thu nhập từ hoạt động đầu tư – kinh doanh nhà ở, không phân bổ vào quỹ mô doanh nghiệp và số lao động số đông.

2. Thời gian gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp:

Doanh nghiệp thực hiện kê khai số thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm nộp hàng quý năm 2013 theo quy định của Luật Quản lý thuế. Thời gian gia hạn nộp thuế là 06 tháng kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh phải nộp quý I năm 2013 và 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh phải nộp quý II năm 2013 và quý III năm 2013 theo quy định của Luật Quản lý thuế như sau:

a) Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính từ năm nộp của quý I năm 2013 để ở gia đình nhân viên nộp thuế chậm nhất đến ngày 30 tháng 10 năm 2013.

b) Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính từ năm nộp của quý II năm 2013 để ở gia đình nhân viên nộp thuế chậm nhất đến ngày 30 tháng 10 năm 2013.

c) Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính từ năm nộp của quý III năm 2013 để ở gia đình nhân viên nộp thuế chậm nhất đến ngày 30 tháng 1 năm 2014.

d) Trường hợp nộp ngày nộp thuế quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này là các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì thời gian gia hạn nộp thuế để ở tính vào ngày làm việc tiếp theo.

3. Trình tự và thủ tục gia hạn nộp thuế:

Doanh nghiệp thu được lợi nhuận gia hạn theo quy định tại Thông tư này phải nộp Phiếu nộp 1 (ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp kèm theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính hàng quý được gia hạn, trong đó xác định rõ: Trạng thái doanh nghiệp thu được lợi nhuận gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế.

Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, doanh nghiệp không bị coi là vi phạm chậm nộp thuế và không bị phạt vi phạm hành vi chậm nộp tiền thuế đối với số thuế được gia hạn.

II - Gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng

1. Gia hạn 06 tháng thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với số thuế GTGT phát sinh phải nộp của tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2013 (không bao gồm thuế GTGT khấu trừ) đối với các doanh nghiệp đang thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế các đối tượng sau đây:

a) Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

b) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, lĩnh vực điện tử; xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

c) Doanh nghiệp đầu tư – kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà và doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng: sắt, thép, xi măng, gạch, ngói.

2. Các doanh nghiệp thu được lợi nhuận gia hạn nộp thuế GTGT thực hiện kê khai, nộp Tờ khai thuế GTGT tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2013 theo quy định hàng tháng phải nộp ngay số thuế GTGT phải nộp phát sinh trên Tờ khai thuế GTGT đã kê khai.

- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 1 năm 2013 chậm nhất là ngày 20/8/2013. - Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 2 năm 2013 chậm nhất là ngày 20/9/2013.

- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 3 năm 2013 chậm nhất là ngày 21/10/2013.

3. Doanh nghiệp tự xác định thuế được lợi nhuận gia hạn nộp thuế GTGT, số thuế GTGT

đăng gia hạn, kê khai vào Phụ lục 2 (ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi cùng Tờ khai thuế GTGT của tháng đăng gia hạn.

Trên cơ sở hợp doanh nghiệp đã nộp Tờ khai thuế GTGT tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2013 nhưng chưa nộp Phụ lục 2 nêu trên thì nộp và gửi bổ sung cho cơ quan thuế. Trong thời gian đăng gia hạn nộp thuế, đơn vị không bị xử phạt chậm nộp tiền thuế.

III – Tiền thuê đất và tiền sử dụng đất

1. Giá trị tiền thuê đất

a) Các tổ chức kinh tế (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp có thu, hợp tác xã), hộ gia đình, cá nhân đăng ký nhà ở cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm từ trước ngày 31/12/2010, sử dụng đất đúng mục đích, trong năm 2011 được điều chỉnh phí sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ và số tiền thuê đất phát sinh năm 2013, năm 2014 tăng hơn 2 lần so với số tiền thuê đất phát sinh năm 2010.

b) Các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a nêu trên trong năm 2013, 2014 được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định khác mà số tiền thuê đất còn phải nộp sau khi đã trả số tiền được giảm theo quy định khác đó hơn hơn 2 lần số tiền thuê đất phải nộp của năm 2010 thì cũng được giảm tiền thuê đất phải nộp năm 2013, năm 2014 theo quy định tại Thông tư này.

c) Các tổ chức kinh tế được điều chỉnh giảm tiền thuê đất năm 2012 theo Thông tư số 83/2012/TT-BTC ngày 23/5/2012 của Bộ Tài chính nhưng chưa được giảm quy định do chưa đáp ứng quy định về thủ tục, hồ sơ theo Thông tư số 83/2012/TT-BTC.

d) Các trường hợp số tiền thuê đất của nhà ở từ trước ngày 31/12/2010 nhưng chưa có đầy đủ các giấy tờ thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, không vi phạm pháp luật liên quan đến việc quản lý sử dụng đất đai, tiền thuê đất phải nộp năm 2010 được cơ quan thuế tạm tính theo đơn giá thu tiền thuê đất quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2010 của Chính phủ và năm 2011 được tính theo đơn giá thu tiền thuê đất quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 03/12/2010 của Chính phủ, nếu số tiền thuê đất phải nộp tạm tính năm 2013, 2014 hơn hơn 2 lần số tiền thuê đất phải nộp của năm 2010.

- Các chủ, hộ gia đình, cá nhân thuê đất để trồng rừng trên đất có giá trị 50% (năm mươi phần trăm) số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2013, 2014. Trường hợp sau khi đất có giá trị mà số tiền thuê đất phải nộp năm 2013, 2014 vẫn lớn hơn 2 lần số tiền thuê đất phải nộp của năm 2010 thì đất tiếp tục có giá trị mà số tiền thuê đất phải nộp năm 2013, 2014 bằng 2 lần số phải nộp của năm 2010.

- Trình tự, thủ tục và thẩm quyền giá trị tiền thuê đất được thực hiện như sau:

a) Các chủ kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuê đất để trồng rừng theo Khoản 1 Điều này phải có văn bản đề nghị giá trị tiền thuê đất gửi tới cơ quan quản lý thuế trực tiếp để làm thủ tục xét giá trị, trong đó phải đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Căn cứ đề nghị của người thuê đất nhà nước cho thuê đất, cơ quan quản lý thuế trực tiếp kiểm tra hồ sơ, lập danh sách, lấy ý kiến cơ quan tài nguyên môi trường cùng cấp và trình UBND cùng cấp phê duyệt; Trên cơ sở đó ban hành quyết định giá trị tiền thuê đất theo thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và các văn bản số địa, bổ sung (nếu có).

Đối với các trường hợp số đất thuê của nhà nước nhưng chủ có đầy đủ các giấy tờ thuê đất theo quy định, số tiền thuê đất phải nộp của đất vẫn đang được cơ quan thuế tính thì cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh số phải nộp (số tính) của năm 2013, 2014 và ghi rõ trên Thông báo nộp tiền thuê đất.

Khi đất vẫn hoàn tất thủ tục và thuê đất theo quy định thì cơ quan thuế ban hành quyết định giá trị tiền thuê đất; Số tiền thuê đất được giá trị ghi trên quyết định là số tiền thuê đất đã xác định tính giá trị theo quy định tại Thông tư này.

c) Trong thời gian đã nộp hồ sơ tới cơ quan thuế mà chủ có ý kiến phê duyệt của UBND cấp tỉnh (đối với các chủ kinh tế) và UBND cấp huyện (đối với các hộ gia đình, cá nhân), các chủ kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuê các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này được tiếp tục nộp tiền thuê đất theo mức bằng số tiền thuê đất phải nộp năm 2010.

2. Tiền số đất

a) Các dự án số đất vào mục đích xây nhà để bán, để cho thuê, kinh doanh kết cấu hạ tầng chuyển nhượng theo hình thức nhà nước giao đất có thu tiền số đất mà chủ đầu tư

đã được bàn giao để thực hiện nhiệm vụ hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tiến hành nộp thuế do có khó khăn về tài chính như: kết quả tài chính tính đến 31/12/2012 mà lại có chi phí của doanh nghiệp liên quan đến doanh thu do giá trị hàng tồn kho quá lớn hoặc doanh nghiệp đã thực tế chi phí đầu tư liên quan đến có doanh thu do chưa bán được hàng thì được nộp tiến số thuế được tính trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày phải nộp tiến số thuế được ghi trên thông báo của cơ quan thuế và không bị tính phạt chậm nộp trong thời gian này.

b) Chủ đầu tư của các dự án chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tiến số thuế do có khó khăn về tài chính phải có văn bản đề nghị kèm theo các giấy tờ có liên quan đến các thông tin nêu trong văn bản gửi tới cơ quan quản lý thuế - nơi đăng và kê khai nộp thuế TNDN theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này; Căn cứ hồ sơ nhận được, cơ quan thuế lập danh sách gửi lấy ý kiến Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và môi trường và báo cáo UBND cấp tỉnh để UBND cấp tỉnh thông qua Thường trực HĐND xem xét quyết định trên cơ sở cân đối nguồn ngân sách địa phương.

Các trường hợp này, khi kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo tính hàng quý, chủ đầu tư dự án phải thực hiện kê khai nộp tiến số thuế được tính và thuế thu nhập đã kê khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành theo Thông tư này. Số tiến số SDĐ phải nộp là số tiến số được xác định theo quy định và số tiến số thu SDĐ chủ đầu tư dự án đã thu được theo các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản đã ký; Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không xác định rõ khoản thu SDĐ thì thu theo tỷ lệ phần trăm doanh thu SDĐ phải nộp NSNN trên tổng doanh thu bán hàng và hoạt động chuyển nhượng bất động sản của doanh nghiệp.

[Vui lòng download thông tư tại đây.](#)